TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1224/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/10/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

2. Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên toà:

Bà Ngô Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 516/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 351/2018/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 295/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị Ngọc B, sinh năm 1988. (Có yêu cầu vắng mặt)
HKTT: xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ

Địa chỉ: Khu phố D, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường D, Khu phố C, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn bà Vũ Thị Ngọc B thì:

Bà và ông Nguyễn Văn K tự nguyện kết hôn được Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 64, ngày 25/5/2006.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn do ông K ham mê cờ bạc dẫn đến nợ người khác, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Bà B nhiều lần khuyên ông K thay đổi để vợ chồng sống hạnh phúc nhưng ông K không thay đổi. Ông K thường xuyên vắng nhà nên vợ chồng không có sự chia sẻ trách nhiệm với nhau. Vào năm 2014 bà B đã đưa con nhỏ về sinh sống ở nhà cha mẹ ruột, hai bên gia đình khuyên nhủ nên bà đã đưa con về để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông K vẫn không thay đổi. Đến năm 2016 bà B biết được ông K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên bà B đã dọn về sống tại nhà cha mẹ ruột bà cho đến nay.

Nay bà B xác định không còn tình cảm và cũng không còn khả năng hàn gắn với ông K nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Bà Vũ Thị Ngọc B và ông Nguyễn Văn K có 03 người con chung là Nguyễn Tuấn K1 (nam), sinh ngày 10/10/2007, Nguyễn Tuấn Anh (nam), sinh ngày 07/3/2009, Nguyễn Tuấn T (nam), sinh ngày 08/10/2012. Hiện đang sống chung với bà B và bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc 03 con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có.

Bà Vũ Thị Ngọc B có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Bị đơn ông Nguyễn Văn K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các giấy triệu tập. Tuy nhiên ông K vẫn vắng mặt không có ý kiến trình bày gửi đến Tòa, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và cũng không tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng, nguyên đơn bà B chấp hành

đúng quy định của pháp luật. Ông K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mà không đến tòa là vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thị Ngọc B, giao 03 người con chung là Nguyễn Tuấn K1 (nam), sinh ngày 10/10/2007, Nguyễn Tuấn Anh (nam), sinh ngày 07/3/2009, Nguyễn Tuấn T (nam), sinh ngày 08/10/2012 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Án phí bà B phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Vũ Thị Ngọc B khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn K cư trú tại quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn khởi kiện của bà B phù hợp qui định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Văn K, là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa, tuy nhiên ông K vẫn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ theo qui định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông K.

Bà Vũ Thị Ngọc B có đơn xin vắng mặt khi tòa án xét xử vụ án nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà B.

[2] Về nội dung: Bà Vũ Thị Ngọc B và ông Nguyễn Văn K kết hôn với nhau do tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Thạnh An, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 64, ngày 25/5/2006 nên là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà B, Hội đồng xét xử xét, theo lời trình bày của bà B thì sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm

2012 giữa bà B và ông K phát sinh mâu thuẫn do ông K ham mê cờ bạc, không quan tâm đến vợ con và thường xuyên vắng nhà nên vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, ông K không chia sẻ công việc gia đình, chăm sóc vợ con, đến năm 2016 bà B biết được ông K có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên bà đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông K, nhưng Tòa án không nhận được trả lời của ông, chứng tỏ ông không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà B.

Như vậy ông K, bà B đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng là phải sống chung, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình như theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, cả hai cùng không muốn đoàn tụ gia đình, bà B có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là yêu cầu chính đáng phù hợp với Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ theo giấy khai sinh số 485 quyển 02 ngày 10/12/2007, giấy khai sinh số 54 quyển 01 ngày 07/4/2009 và giấy khai sinh số 95 quyển 02 ngày 17 tháng 10 năm 2012 cùng do Ủy ban nhân dân xã Thạnh An, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ cấp nên có cơ sở xác định trẻ Nguyễn Tuấn K1 (nam), sinh ngày 10/10/2007, Nguyễn Tuấn Anh (nam), sinh ngày 07/3/2009, Nguyễn Tuấn T (nam), sinh ngày 08/10/2012 là con chung của bà B, ông K. Bà B có yêu cầu được trực tiếp trông nom chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông K đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông K vẫn không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con. Vì vậy nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà B giao 03 con chung Nguyễn Tuấn K1 (nam), sinh ngày 10/10/2007, Nguyễn Tuấn Anh (nam), sinh ngày 07/3/2009, Nguyễn Tuấn T (nam), sinh ngày 08/10/2012 cho bà B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nợ chung: Đương sự khai không có.

Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà B là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các điều 51, 56, 57, 58, 59, 71, 72, 81, 82, 83, 84,107, 110, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Vũ Thị Ngọc B:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Ngọc B, sinh năm 1988 ly hôn với ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1980

Về con chung: Giao 03 con chung Nguyễn Tuấn K1 (nam), sinh ngày 10/10/2007, Nguyễn Tuấn Anh (nam), sinh ngày 07/3/2009, Nguyễn Tuấn T (nam), sinh ngày 08/10/2012 cho bà Vũ Thị Ngọc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Không có

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình 300.000đồng, bà Vũ Thị Ngọc B phải nộp nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp theo biên lai thu số 0038799 ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà B đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- UBND xã Thạnh An, huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thanh